

Trường Cao Đẳng Công Thương TP.HCM
Phòng Quản Lý Đào Tạo

BẢNG GHI ĐIỂM QUÁ TRÌNH

Học Kỳ 1 - Năm Học 2023-2024

Môn học/Nhóm
CBGD

Giáo dục quốc phòng và an ninh - LHP 12113
Trương Xuân Hùng

Số tín chỉ: 5

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày Sinh	Lớp	BP. 1	BP. 2	BP. 3	BP. 4	BP. 5	ĐQT	Ghi chú
1	2123030106	Đặng Việt	Anh	14/07/2005	Công nghệ kỹ thuật cơ khí C	0.0	0.0	0	0	0	0.0	
2	2123110539	Tô Võ Duy	Anh	10/05/2005	Công nghệ thông tin F	6.0	6.8	5.0	4	8	6.0	
3	2123030109	Hồ Gia	Bảo	13/10/2005	Công nghệ kỹ thuật cơ khí D	0.0	0.0	0	0	0	0.0	
4	2123110538	Huỳnh Quốc	Bảo	08/11/2004	Công nghệ thông tin G	0.0	0.0	0	0	0	0.0	
5	2122220011	Ngô Duy	Bảo	12/11/2004	Truyền thông và mạng máy tính	5.0	4.6	5	8.3	8	6.7	
6	2123030084	Ngô Thanh	Bình	17/03/2005	Công nghệ kỹ thuật cơ khí C	7.0	7.0	4	7.3	4	5.8	
7	2123030080	Nguyễn Thái	Bình	31/03/2005	Công nghệ kỹ thuật cơ khí C	3.7	4.8	6.0	9	10	7.5	
8	2123030135	Nguyễn Văn	Chí	10/04/2005	Công nghệ kỹ thuật cơ khí D	6.0	5.6	4	8	4	5.7	
9	2123030105	Lê Minh	Chiến	18/04/2005	Công nghệ kỹ thuật cơ khí C	5.7	6.6	5	8	5	6.2	
10	2121060036	Huỳnh Tiến	Cường	10/06/2003	Điện tử công nghiệp B	3.3	6.4	6	7.3	8	6.6	
11	2123030091	Đỗ Văn	Đăm	20/11/2004	Công nghệ kỹ thuật cơ khí C	5.7	6.0	4	4	4	4.5	
12	2123030104	Hoàng Minh	Đạt	01/01/2005	Công nghệ kỹ thuật cơ khí C	0.0	0.0	0	0	0	0.0	
13	2123030079	Ngô Tiến	Đạt	29/01/2004	Công nghệ kỹ thuật cơ khí C	4.7	5.6	6.0	4	8	5.8	
14	2122220025	Nguyễn Quốc	Đạt	28/01/2004	Truyền thông và mạng máy tính	4.0	4.6	5	7.3	8	6.3	
15	2123030122	Nguyễn Văn	Định	17/10/2003	Công nghệ kỹ thuật cơ khí D	6.3	4.2	5	7.7	8	6.7	
16	2123030134	Hồ Văn	Dự	28/10/2005	Công nghệ kỹ thuật cơ khí D	6.0	7.0	5	8.3	8	7.2	
17	2123030099	Võ Tấn	Dũng	01/06/2005	Công nghệ kỹ thuật cơ khí C	4.7	4.6	5	9	8	6.9	
18	2123030094	Nguyễn Minh	Dương	22/09/2005	Công nghệ kỹ thuật cơ khí C	0.0	0.0	0	0	0	0.0	
19	2123030143	Huỳnh Tấn	Duy	18/06/2005	Công nghệ kỹ thuật cơ khí D	5.3	5.8	5	8	8	6.9	
20	2123030093	Trần Thanh	Duy	20/12/2005	Công nghệ kỹ thuật cơ khí C	5.7	6.4	4	8.3	3	5.5	
21	2123030097	Nguyễn Hoàng	Hải	11/01/2005	Công nghệ kỹ thuật cơ khí C	6.3	5.2	4	8.3	4	5.7	
22	2122200234	Dương Thị	Hạnh	22/05/2004	Quản trị xuất nhập khẩu G	7.7	6.2	6	9.7	10	8.5	
23	2123030083	Lê Công	Hậu	08/11/2005	Công nghệ kỹ thuật cơ khí C	6.0	7.0	6	7.3	10	7.7	
24	2123030095	Châu Thành	Hiệp	13/10/2005	Công nghệ kỹ thuật cơ khí C	5.7	5.8	4	9.7	4	6.1	
25	2123030119	Mai Trần Duy	Hiệu	26/05/2005	Công nghệ kỹ thuật cơ khí D	6.7	6.4	5	7.3	8	7.0	
26	2123030132	Lê	Hoàng	03/11/2005	Công nghệ kỹ thuật cơ khí D	5.3	3.2	5	8	5	5.6	
27	2122200230	Phan Như	Hội	11/12/2004	Quản trị xuất nhập khẩu G	9.7	8.4	6	5	10	7.7	
28	2122200226	Nguyễn Thị Cẩm	Hồng	18/10/2004	Quản trị xuất nhập khẩu G	7.7	7.2	6	6.3	10	7.6	
29	2123030078	Nguyễn Thọ	Hùng	19/03/2005	Công nghệ kỹ thuật cơ khí C	4.7	4.8	6.0	5	8	5.9	
30	2123120722	Trịnh Sông	Hương	26/04/2005	Quản trị KD tổng hợp L	8.0	8.6	6.0	4.7	8	6.9	
31	2123030092	Nguyễn Trương	Hữu	23/03/2005	Công nghệ kỹ thuật cơ khí C	6.0	5.4	6	9.3	8	7.4	
32	2123030130	Nguyễn Hữu	Huy	05/02/2005	Công nghệ kỹ thuật cơ khí D	4.7	5.4	5	7.7	5	5.8	
33	2123030127	Nguyễn Ngọc	Huy	18/10/2005	Công nghệ kỹ thuật cơ khí D	4.7	5.4	5	5.7	8	6.1	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày Sinh	Lớp	BP. 1	BP. 2	BP. 3	BP. 4	BP. 5	ĐQT	Ghi chú
34	2123030087	Trần Quốc	Huy	21/09/2005	Công nghệ kỹ thuật cơ khí C	6.0	6.4	4.0	8.3	3	5.6	
35	2122200242	Trần Minh	Kha	04/02/2003	Quản trị xuất nhập khẩu G	6.7	7.4	5.0	7.3	8	7.1	
36	2123030089	Trần Mai	Khải	15/12/2005	Công nghệ kỹ thuật cơ khí C	7.3	4.0	5	7.3	8	6.7	
37	2123030082	Bùi Minh	Khang	21/01/2005	Công nghệ kỹ thuật cơ khí C	6.3	5.4	4	9.7	3	5.9	
38	2123030198	Võ Duy	Khang	18/12/2005	Công nghệ kỹ thuật cơ khí C	5.3	4.4	4.0	8.7	4	5.6	
39	2123030103	Nguyễn Đăng	Khoa	25/10/2005	Công nghệ kỹ thuật cơ khí C	5.7	7.0	5.0	7.3	8	6.9	
40	2123030076	Huỳnh	Khôi	22/09/2005	Công nghệ kỹ thuật cơ khí C	0.0	0.0	0	0	0	0.0	
41	2123030077	Quách Phong	Khôi	12/07/2005	Công nghệ kỹ thuật cơ khí C	5.7	4.8	4	6	10	6.6	
42	2123140124	Nguyễn Phạm Tuấn	Kiệt	31/01/2005	Công nghệ KT cơ điện tử B	5.7	5.6	5	9.7	5	6.5	
43	2123030117	Nguyễn Tuấn	Kiệt	27/06/2005	Công nghệ kỹ thuật cơ khí D	8.4	7.0	5	6	8	6.9	
44	2123030101	Nguyễn Duy	Lân	14/04/2005	Công nghệ kỹ thuật cơ khí C	6.0	5.6	5	8.7	8	7.1	
45	2123030081	Dương Văn Nhựt	Linh	09/05/2005	Công nghệ kỹ thuật cơ khí C	0.0	0.0	0	0	0	0.0	
46	2123110476	Trịnh Phương	Linh	25/04/2005	Công nghệ thông tin H	7.7	6.6	6	9	10	8.3	
47	2123030121	Dương Thanh	Lộc	26/01/2005	Công nghệ kỹ thuật cơ khí D	6.3	6.0	5	6	10	7.0	
48	2123220102	Lê Đặng Huỳnh	Lộc	21/12/2005	Truyền thông và mạng máy tính B	5.3	7.0	5	5.7	8	6.4	
49	2123030141	Trịnh Bảo	Long	11/01/2005	Công nghệ kỹ thuật cơ khí D	5.3	5.8	5	7.7	5	5.9	
50	2123030112	Ngô Nguyễn Thanh	Lưu	10/08/2005	Công nghệ kỹ thuật cơ khí D	4.7	6.0	5	7.3	8	6.6	
51	2123110308	Lê Trần Chính	Nguyên	08/12/2005	Công nghệ thông tin I	4.7	6.6	5	7	8	6.6	
52	2122200240	Lê Thị Mỹ	Nhân	20/11/2004	Quản trị xuất nhập khẩu G	10.0	9.0	6	9	10	9.0	
53	2123030120	Lưu Hoàng	Nhi	11/01/2005	Công nghệ kỹ thuật cơ khí D	6.7	6.2	5	9.7	8	7.6	
54	2123030114	Phan Công	Nhĩ	17/11/2005	Công nghệ kỹ thuật cơ khí D	6.0	5.8	5.0	7.7	5	6.0	
55	2123030088	Nguyễn Tấn	Phát	25/09/2005	Công nghệ kỹ thuật cơ khí C	6.0	6.4	6	7.3	8	7.0	
56	2123030124	Phạm Ngọc	Phong	13/10/2005	Công nghệ kỹ thuật cơ khí D	6.0	5.8	5	5	8	6.1	
57	2123030107	Phạm Thanh	Phú	20/10/2004	Công nghệ kỹ thuật cơ khí C	6.3	6.8	5	9.3	8	7.5	
58	2123030128	Nguyễn Hữu	Phúc	19/07/2005	Công nghệ kỹ thuật cơ khí D	6.0	6.2	5	6	5	5.6	
59	2123030113	Trần Lê Trọng	Phúc	27/04/2005	Công nghệ kỹ thuật cơ khí D	5.7	6.4	5	8.3	8	7.1	
60	2122200195	Vũ Thị	Phượng	18/02/2004	Quản trị xuất nhập khẩu G	6.7	8.4	6	9.3	10	8.5	
61	2123030073	Nguyễn Thái Anh	Quân	01/09/2005	Công nghệ kỹ thuật cơ khí C	0.0	0.0	0	0	0	0.0	
62	2121060038	Dương Phú	Quý	06/06/2003	Điện tử công nghiệp B	5.3	7.8	6	7.3	8	7.1	
63	2123030102	Lý Công	Quý	06/06/2005	Công nghệ kỹ thuật cơ khí C	5.7	5.4	4	6.7	4	5.2	
64	2123030209	Nguyễn Thái	Quỳnh	01/11/2003	Công nghệ kỹ thuật cơ khí D	0.0	0.0	0	0	0	0.0	
65	2123030136	Nguyễn Văn Hồng	Sơn	14/09/2005	Công nghệ kỹ thuật cơ khí D	5.3	5.2	5	5	8	5.9	
66	2123030085	Trần Hoàng Minh	Tâm	28/03/2005	Công nghệ kỹ thuật cơ khí C	4.7	8.4	6	8	8	7.3	
67	2123030110	Huỳnh Trọng	Tấn	22/08/2005	Công nghệ kỹ thuật cơ khí D	6.7	6.8	5	7.3	5	6.2	
68	2123030210	Phạm	Thái	11/07/2003	Công nghệ kỹ thuật cơ khí D	4.7	6.4	5	7	8	6.6	
69	2123030116	Phan Văn	Thành	25/11/2005	Công nghệ kỹ thuật cơ khí C	6.3	7.4	5	5.3	8	6.5	
70	2123030126	Phan Thành	Thông	20/02/2005	Công nghệ kỹ thuật cơ khí D	7.3	4.6	5	9.3	8	7.4	
71	2123030074	Nguyễn Công	Thu	13/12/2005	Công nghệ kỹ thuật cơ khí C	0.0	0.0	0	0	0	0.0	
72	2122200236	Võ Thị Yến	Thu	06/01/2004	Quản trị xuất nhập khẩu G	7.7	7.0	6	7	8	7.2	
73	2123030086	Nguyễn Minh	Thuận	23/06/2005	Công nghệ kỹ thuật cơ khí C	6.3	6.0	6	7.7	8	7.1	
74	2122200065	Lê Đào Xuân	Tiên	12/02/2002	Quản trị xuất nhập khẩu G	8.4	8.8	6	9	10	8.7	
75	2123030133	Hồ Minh	Tiến	06/09/2005	Công nghệ kỹ thuật cơ khí D	7.3	5.2	5	5	10	6.8	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày Sinh	Lớp	BP. 1	BP. 2	BP. 3	BP. 4	BP. 5	ĐQT	Ghi chú
76	2123030138	K	Tín	15/09/2005	Công nghệ kỹ thuật cơ khí D	8.4	6.6	5	8	8	7.4	
77	2123030108	Nguyễn Quốc	Toàn	21/03/2005	Công nghệ kỹ thuật cơ khí D	5.3	5.2	5	7.3	5	5.7	
78	2123030075	Trần Hữu	Toàn	29/05/2005	Công nghệ kỹ thuật cơ khí C	7.3	5.4	5	8.3	8	7.2	
79	2123030111	Trần Hữu	Trí	12/12/2005	Công nghệ kỹ thuật cơ khí D	7.3	6.6	5	8	8	7.3	
80	2123030125	Nguyễn Huỳnh	Trị	12/07/2005	Công nghệ kỹ thuật cơ khí D	5.3	7.2	5	8.7	5	6.4	
81	2123030090	Trần Minh	Truyền	31/07/2005	Công nghệ kỹ thuật cơ khí C	5.0	4.6	6	4	8	5.7	
82	2123030131	Võ Thanh	Tú	22/07/2005	Công nghệ kỹ thuật cơ khí D	6.0	6.6	5	9.7	5	6.7	
83	2123030100	Nguyễn Đỗ Anh	Tuấn	28/11/2005	Công nghệ kỹ thuật cơ khí C	6.0	6.6	4	9	4	6.1	
84	2123030129	Đinh Công	Tuyển	27/07/2004	Công nghệ kỹ thuật cơ khí D	0.0	0.0	0	0	0	0.0	
85	2122200227	Đoàn Thị Mỹ	Viên	14/06/2004	Quản trị xuất nhập khẩu G	8.4	8.0	6	9	10	8.6	
86	2123030118	Phạm Quốc	Việt	04/02/2005	Công nghệ kỹ thuật cơ khí D	8.4	5.8	5	9	8	7.6	
87	2121060037	Phan Trung	Vinh	23/02/2003	Điện tử công nghiệp B	5.3	7.2	6	8	8	7.2	
88	2123030208	Phan Quốc	Vượng	02/09/2005	Công nghệ kỹ thuật cơ khí D	6.3	5.4	5	7.7	8	6.9	
89	2122200228	Nguyễn Ái	Vy	14/06/2004	Quản trị xuất nhập khẩu G	7.7	6.4	6	8.3	10	8.1	
90	2123030115	Nguyễn Thế	Ý	13/04/2005	Công nghệ kỹ thuật cơ khí D	6.3	6.0	5.0	9.7	8	7.5	

BẢNG GHI ĐIỂM MÔN HỌC - HỌC PHẦN
Học Kỳ 1 - Năm Học 2023-2024

Môn học/Nhóm Giáo dục quốc phòng và an ninh - LHP 12113
CBGD Trương Xuân Hùng

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	Điểm quá trình	Điểm thi	Điểm môn học/học phần
1	2123030106	Đặng Việt	Anh	14/07/2005	Công nghệ kỹ thuật cơ khí C	0.0	0.0	0.0
2	2123110539	Tô Võ Duy	Anh	10/05/2005	Công nghệ thông tin F	6.0	8.6	7.5
3	2123030109	Hồ Gia	Bảo	13/10/2005	Công nghệ kỹ thuật cơ khí D	0.0	0.0	0.0
4	2123110538	Huỳnh Quốc	Bảo	08/11/2004	Công nghệ thông tin G	0.0	0.0	0.0
5	2122220011	Ngô Duy	Bảo	12/11/2004	Truyền thông và mạng máy tính	6.7	7.2	7.0
6	2123030084	Ngô Thanh	Bình	17/03/2005	Công nghệ kỹ thuật cơ khí C	5.8	6.6	6.3
7	2123030080	Nguyễn Thái	Bình	31/03/2005	Công nghệ kỹ thuật cơ khí C	7.5	8.0	7.8
8	2123030135	Nguyễn Văn	Chí	10/04/2005	Công nghệ kỹ thuật cơ khí D	5.7	7.0	6.5
9	2123030105	Lê Minh	Chiến	18/04/2005	Công nghệ kỹ thuật cơ khí C	6.2	5.2	5.6
10	2121060036	Huỳnh Tiến	Cường	10/06/2003	Điện tử công nghiệp B	6.6	7.0	6.8
11	2123030091	Đỗ Văn	Đâm	20/11/2004	Công nghệ kỹ thuật cơ khí C	4.5	6.4	5.7
12	2123030104	Hoàng Minh	Đạt	01/01/2005	Công nghệ kỹ thuật cơ khí C	0.0	0.0	0.0
13	2123030079	Ngô Tiên	Đạt	29/01/2004	Công nghệ kỹ thuật cơ khí C	5.8	7.0	6.5
14	2122220025	Nguyễn Quốc	Đạt	28/01/2004	Truyền thông và mạng máy tính	6.3	8.4	7.6
15	2123030122	Nguyễn Văn	Định	17/10/2003	Công nghệ kỹ thuật cơ khí D	6.7	6.8	6.8
16	2123030134	Hồ Văn	Dự	28/10/2005	Công nghệ kỹ thuật cơ khí D	7.2	5.6	6.3
17	2123030099	Võ Tấn	Dũng	01/06/2005	Công nghệ kỹ thuật cơ khí C	6.9	6.4	6.6
18	2123030094	Nguyễn Minh	Dương	22/09/2005	Công nghệ kỹ thuật cơ khí C	0.0	0.0	0.0
19	2123030143	Huỳnh Tấn	Duy	18/06/2005	Công nghệ kỹ thuật cơ khí D	6.9	6.4	6.6
20	2123030093	Trần Thanh	Duy	20/12/2005	Công nghệ kỹ thuật cơ khí C	5.5	7.2	6.5
21	2123030097	Nguyễn Hoàng	Hải	11/01/2005	Công nghệ kỹ thuật cơ khí C	5.7	8.0	7.1
22	2122200234	Dương Thị	Hạnh	22/05/2004	Quản trị xuất nhập khẩu G	8.5	6.6	7.3
23	2123030083	Lê Công	Hậu	08/11/2005	Công nghệ kỹ thuật cơ khí C	7.7	8.4	8.1
24	2123030095	Châu Thành	Hiệp	13/10/2005	Công nghệ kỹ thuật cơ khí C	6.1	7.0	6.7
25	2123030119	Mai Trần Duy	Hiệu	26/05/2005	Công nghệ kỹ thuật cơ khí D	7.0	6.6	6.7
26	2123030132	Lê	Hoàng	03/11/2005	Công nghệ kỹ thuật cơ khí D	5.6	6.8	6.3
27	2122200230	Phan Như	Hội	11/12/2004	Quản trị xuất nhập khẩu G	7.7	6.4	6.9
28	2122200226	Nguyễn Thị Cẩm	Hồng	18/10/2004	Quản trị xuất nhập khẩu G	7.6	6.6	7.0
29	2123030078	Nguyễn Thọ	Hùng	19/03/2005	Công nghệ kỹ thuật cơ khí C	5.9	7.6	6.9
30	2123120722	Trịnh Sông	Hương	26/04/2005	Quản trị KD tổng hợp L	6.9	6.4	6.6
31	2123030092	Nguyễn Trương	Hữu	23/03/2005	Công nghệ kỹ thuật cơ khí C	7.4	6.8	7.1
32	2123030130	Nguyễn Hữu	Huy	05/02/2005	Công nghệ kỹ thuật cơ khí D	5.8	5.6	5.7
33	2123030127	Nguyễn Ngọc	Huy	18/10/2005	Công nghệ kỹ thuật cơ khí D	6.1	6.0	6.0

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Điểm quá trình	Điểm thi	Điểm môn học/học phần
34	2123030087	Trần Quốc Huy	21/09/2005	Công nghệ kỹ thuật cơ khí C	5.6	7.0	6.4
35	2122200242	Trần Minh Kha	04/02/2003	Quản trị xuất nhập khẩu G	7.1	8.6	8.0
36	2123030089	Trần Mai Khải	15/12/2005	Công nghệ kỹ thuật cơ khí C	6.7	7.6	7.2
37	2123030082	Bùi Minh Khang	21/01/2005	Công nghệ kỹ thuật cơ khí C	5.9	7.0	6.6
38	2123030198	Võ Duy Khang	18/12/2005	Công nghệ kỹ thuật cơ khí C	5.6	5.4	5.5
39	2123030103	Nguyễn Đăng Khoa	25/10/2005	Công nghệ kỹ thuật cơ khí C	6.9	4.0	5.2
40	2123030076	Huỳnh Khôi	22/09/2005	Công nghệ kỹ thuật cơ khí C	0.0	0.0	0.0
41	2123030077	Quách Phong Khôi	12/07/2005	Công nghệ kỹ thuật cơ khí C	6.6	6.6	6.6
42	2123140124	Nguyễn Phạm Tuấn Kiệt	31/01/2005	Công nghệ KT cơ điện tử B	6.5	5.4	5.9
43	2123030117	Nguyễn Tuấn Kiệt	27/06/2005	Công nghệ kỹ thuật cơ khí D	6.9	7.6	7.3
44	2123030101	Nguyễn Duy Lâm	14/04/2005	Công nghệ kỹ thuật cơ khí C	7.1	6.8	6.9
45	2123030081	Dương Văn Nhứt Linh	09/05/2005	Công nghệ kỹ thuật cơ khí C	0.0	0.0	0.0
46	2123110476	Trịnh Phương Linh	25/04/2005	Công nghệ thông tin H	8.3	7.0	7.5
47	2123030121	Dương Thanh Lộc	26/01/2005	Công nghệ kỹ thuật cơ khí D	7.0	5.8	6.3
48	2123220102	Lê Đăng Huỳnh Lộc	21/12/2005	Truyền thông và mạng máy tính B	6.4	6.0	6.2
49	2123030141	Trịnh Bảo Long	11/01/2005	Công nghệ kỹ thuật cơ khí D	5.9	5.2	5.5
50	2123030112	Ngô Nguyễn Thanh Lưu	10/08/2005	Công nghệ kỹ thuật cơ khí D	6.6	6.6	6.6
51	2123110308	Lê Trần Chính Nguyên	08/12/2005	Công nghệ thông tin I	6.6	8.4	7.7
52	2122200240	Lê Thị Mỹ Nhân	20/11/2004	Quản trị xuất nhập khẩu G	9.0	8.6	8.8
53	2123030120	Lưu Hoàng Nhi	11/01/2005	Công nghệ kỹ thuật cơ khí D	7.6	7.4	7.5
54	2123030114	Phan Công Nhĩ	17/11/2005	Công nghệ kỹ thuật cơ khí D	6.0	6.4	6.3
55	2123030088	Nguyễn Tân Phát	25/09/2005	Công nghệ kỹ thuật cơ khí C	7.0	6.6	6.8
56	2123030124	Phạm Ngọc Phong	13/10/2005	Công nghệ kỹ thuật cơ khí D	6.1	6.4	6.3
57	2123030107	Phạm Thanh Phú	20/10/2004	Công nghệ kỹ thuật cơ khí C	7.5	6.4	6.9
58	2123030128	Nguyễn Hữu Phúc	19/07/2005	Công nghệ kỹ thuật cơ khí D	5.6	6.2	6.0
59	2123030113	Trần Lê Trọng Phúc	27/04/2005	Công nghệ kỹ thuật cơ khí D	7.1	6.4	6.7
60	2122200195	Vũ Thị Phương	18/02/2004	Quản trị xuất nhập khẩu G	8.5	8.6	8.6
61	2123030073	Nguyễn Thái Anh Quân	01/09/2005	Công nghệ kỹ thuật cơ khí C	0.0	0.0	0.0
62	2121060038	Dương Phú Quý	06/06/2003	Điện tử công nghiệp B	7.1	7.4	7.3
63	2123030102	Lý Công Quý	06/06/2005	Công nghệ kỹ thuật cơ khí C	5.2	5.8	5.6
64	2123030209	Nguyễn Thái Quỳnh	01/11/2003	Công nghệ kỹ thuật cơ khí D	0.0	0.0	0.0
65	2123030136	Nguyễn Văn Hồng Sơn	14/09/2005	Công nghệ kỹ thuật cơ khí D	5.9	8.2	7.3
66	2123030085	Trần Hoàng Minh Tâm	28/03/2005	Công nghệ kỹ thuật cơ khí C	7.3	7.8	7.6
67	2123030110	Huỳnh Trọng Tấn	22/08/2005	Công nghệ kỹ thuật cơ khí D	6.2	6.4	6.3
68	2123030210	Phạm Thái	11/07/2003	Công nghệ kỹ thuật cơ khí D	6.6	6.2	6.4
69	2123030116	Phan Văn Thành	25/11/2005	Công nghệ kỹ thuật cơ khí C	6.5	7.0	6.8
70	2123030126	Phan Thành Thông	20/02/2005	Công nghệ kỹ thuật cơ khí D	7.4	6.2	6.7
71	2123030074	Nguyễn Công Thu	13/12/2005	Công nghệ kỹ thuật cơ khí C	0.0	0.0	0.0
72	2122200236	Võ Thị Yên Thu	06/01/2004	Quản trị xuất nhập khẩu G	7.2	7.2	7.2
73	2123030086	Nguyễn Minh Thuận	23/06/2005	Công nghệ kỹ thuật cơ khí C	7.1	6.0	6.4
74	2122200065	Lê Đào Xuân Tiên	12/02/2002	Quản trị xuất nhập khẩu G	8.7	7.0	7.7
75	2123030133	Hồ Minh Tiến	06/09/2005	Công nghệ kỹ thuật cơ khí D	6.8	7.6	7.3

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	Điểm quá trình	Điểm thi	Điểm môn học/học phần
76	2123030138	K	Tín	15/09/2005	Công nghệ kỹ thuật cơ khí D	7.4	7.2	7.3
77	2123030108	Nguyễn Quốc	Toàn	21/03/2005	Công nghệ kỹ thuật cơ khí D	5.7	5.8	5.8
78	2123030075	Trần Hữu	Toàn	29/05/2005	Công nghệ kỹ thuật cơ khí C	7.2	5.4	6.1
79	2123030111	Trần Hữu	Trí	12/12/2005	Công nghệ kỹ thuật cơ khí D	7.3	5.0	5.9
80	2123030125	Nguyễn Huỳnh	Trị	12/07/2005	Công nghệ kỹ thuật cơ khí D	6.4	7.8	7.2
81	2123030090	Trần Minh	Truyền	31/07/2005	Công nghệ kỹ thuật cơ khí C	5.7	6.4	6.1
82	2123030131	Võ Thanh	Tú	22/07/2005	Công nghệ kỹ thuật cơ khí D	6.7	5.4	5.9
83	2123030100	Nguyễn Đỗ Anh	Tuấn	28/11/2005	Công nghệ kỹ thuật cơ khí C	6.1	7.2	6.8
84	2123030129	Đinh Công	Tuyển	27/07/2004	Công nghệ kỹ thuật cơ khí D	0.0	0.0	0.0
85	2122200227	Đoàn Thị Mỹ	Viên	14/06/2004	Quản trị xuất nhập khẩu G	8.6	7.2	7.8
86	2123030118	Phạm Quốc	Việt	04/02/2005	Công nghệ kỹ thuật cơ khí D	7.6	5.4	6.3
87	2121060037	Phan Trung	Vinh	23/02/2003	Điện tử công nghiệp B	7.2	7.8	7.6
88	2123030208	Phan Quốc	Vượng	02/09/2005	Công nghệ kỹ thuật cơ khí D	6.9	5.4	6.0
89	2122200228	Nguyễn Ái	Vý	14/06/2004	Quản trị xuất nhập khẩu G	8.1	7.0	7.4
90	2123030115	Nguyễn Thế	Ý	13/04/2005	Công nghệ kỹ thuật cơ khí D	7.5	5.8	6.5

Tp. HCM, ngày 21 tháng 11 năm 2023

GIẢNG VIÊN

Trương Xuân Hùng